

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Thiên Long

Ngày 31/12/2025	49,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	3.7%	1.0%

DT thuần Q4/25
949
tỷ VNĐ
QoQ: ▼235 -19.8%
YoY: ▲ 102 12.1%

LN thuần Q4/25
53.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.5 -45.0%
YoY: ▼2.30 -4.1%

LN sau thuế Q4/25
73.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80 -2.4%
YoY: ▲ 34.9 89.4%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
14.3%
YoY: +/-▼ 1.7%

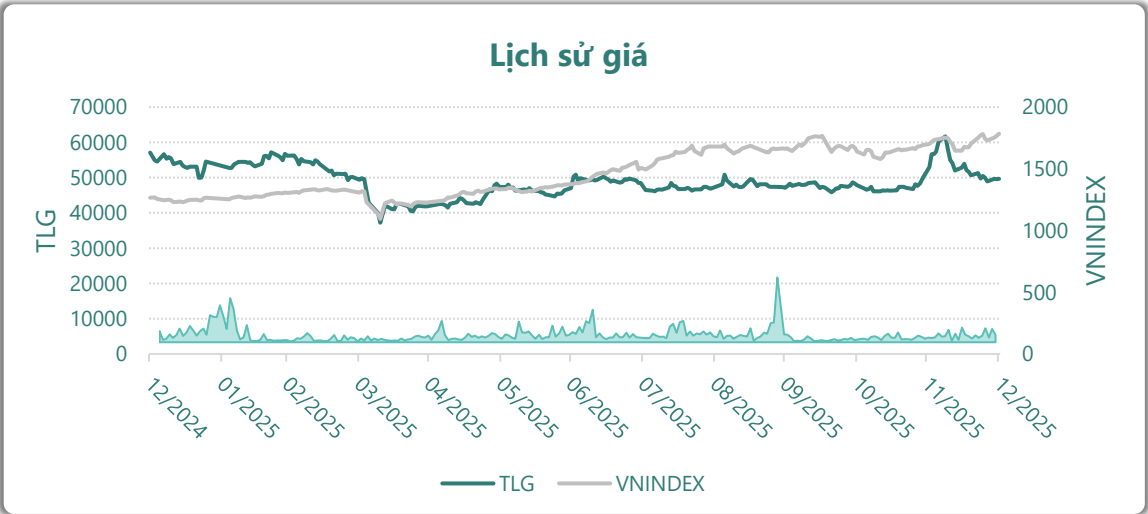
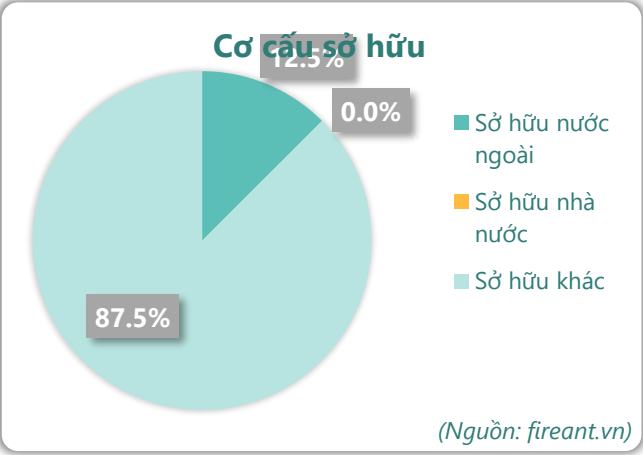
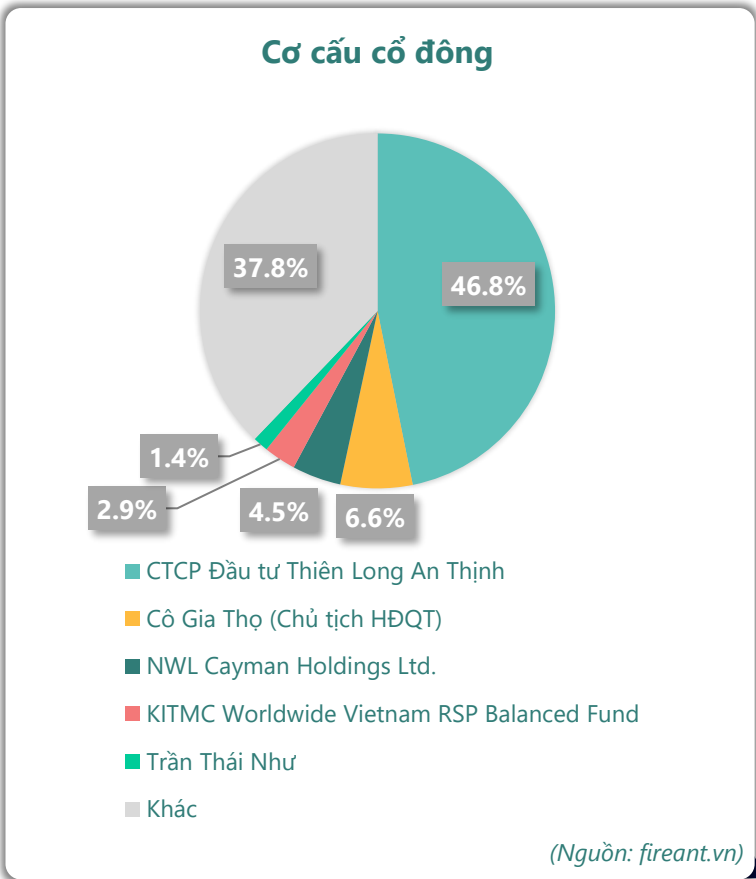
ROE 2025
18.5%
YoY: +/-▼ 2.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	37,225 - 61,707
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,797
Số lượng CPLH (CP)	96,528,340
KLGD BQ 20 phiên (CP)	577,005
Sở hữu nước ngoài	12.5%
Beta	0.57
EPS	4,675
P/E	10.6

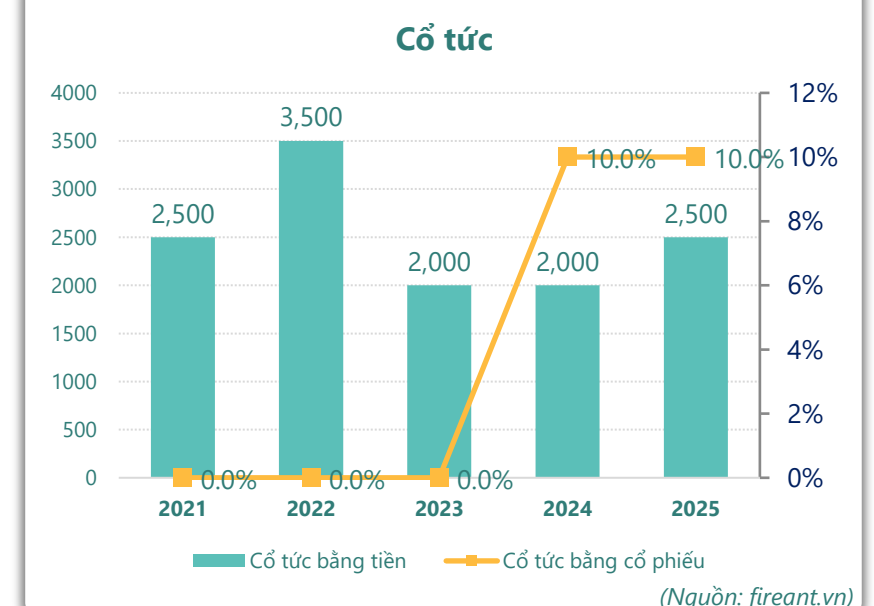
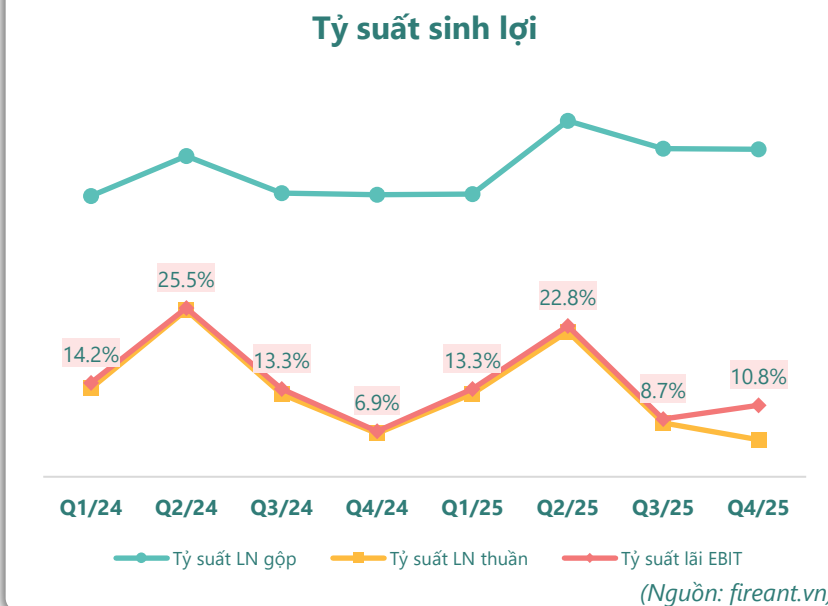
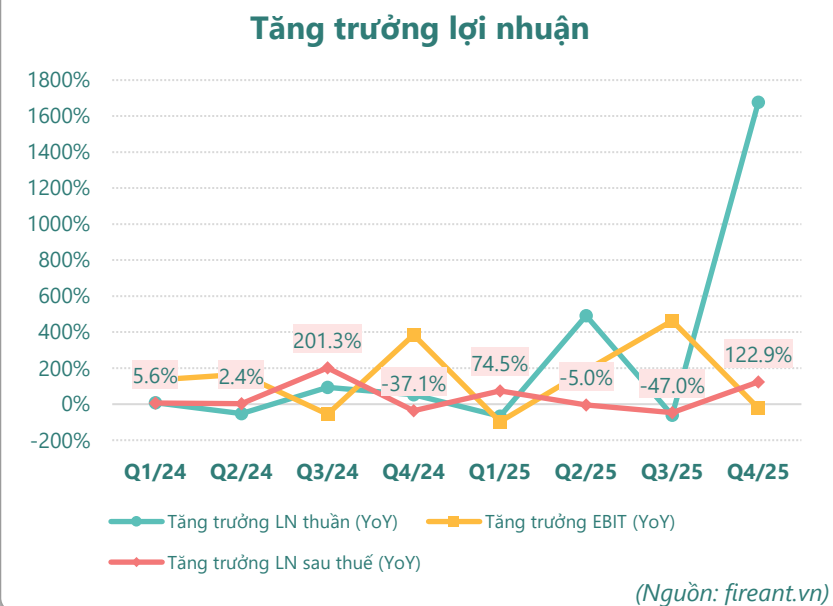
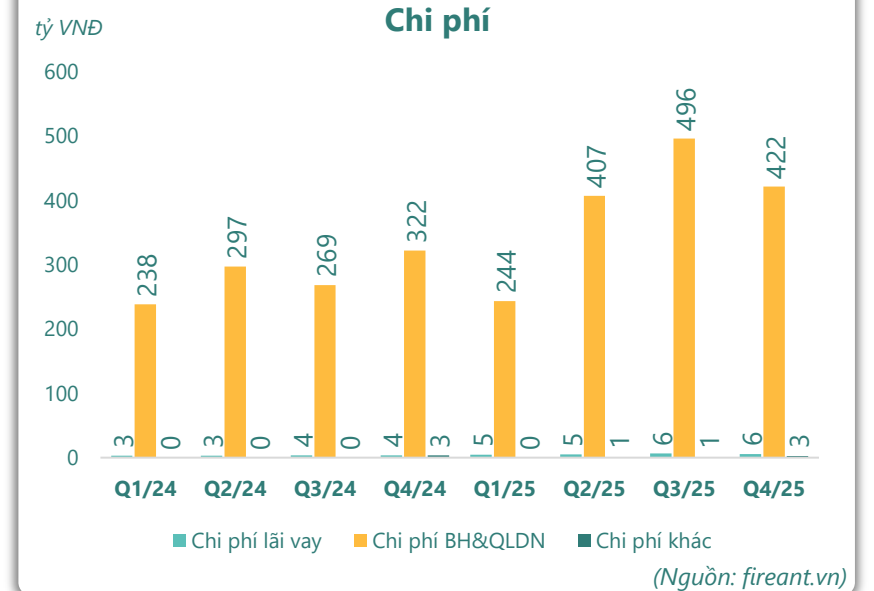
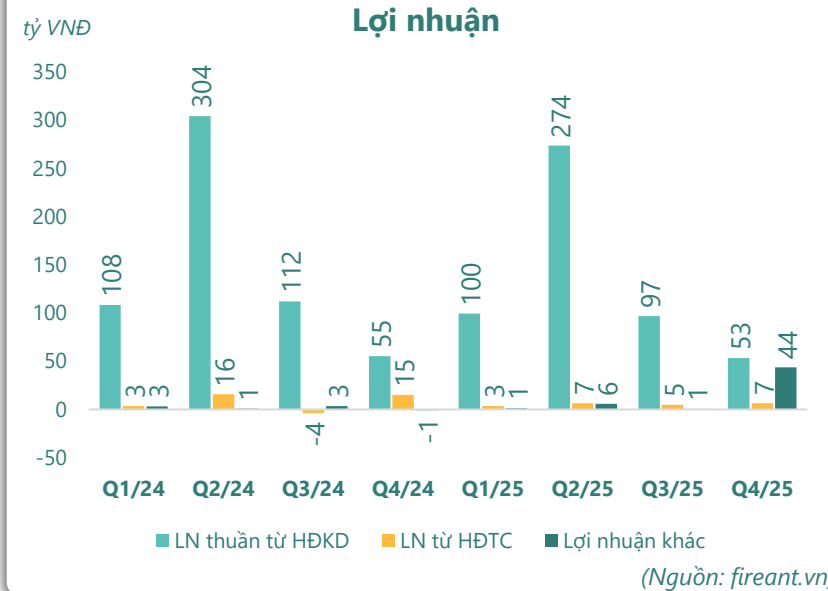
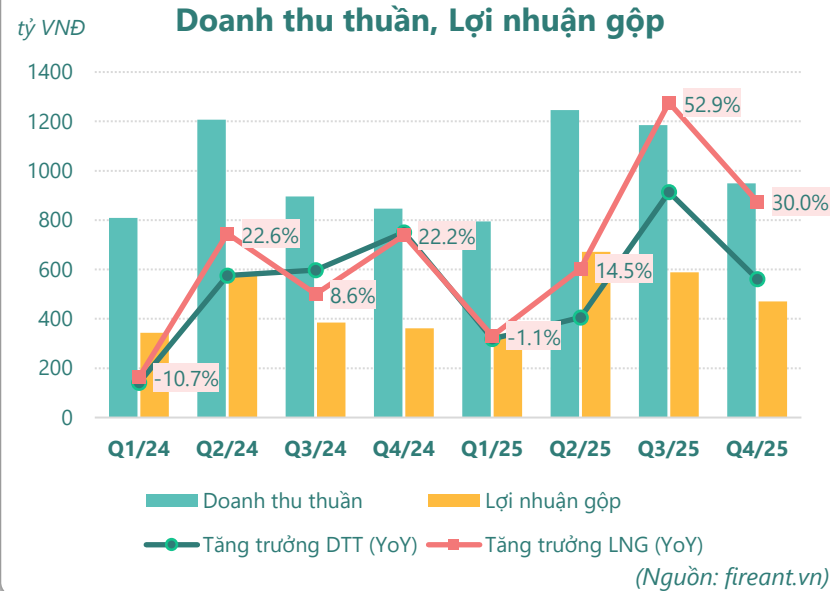
DT thuần 2025
4,174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 415 11.1%

LN thuần 2025
523
tỷ VNĐ
YoY: ▼57.0 -9.8%

LN sau thuế 2025
450
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0 -2.2%



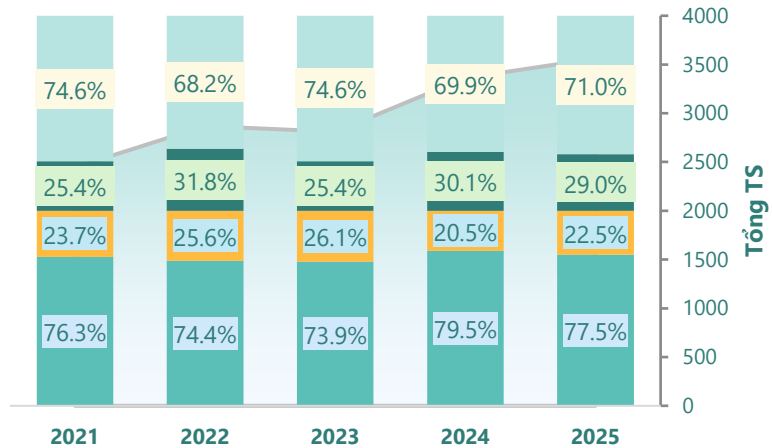
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

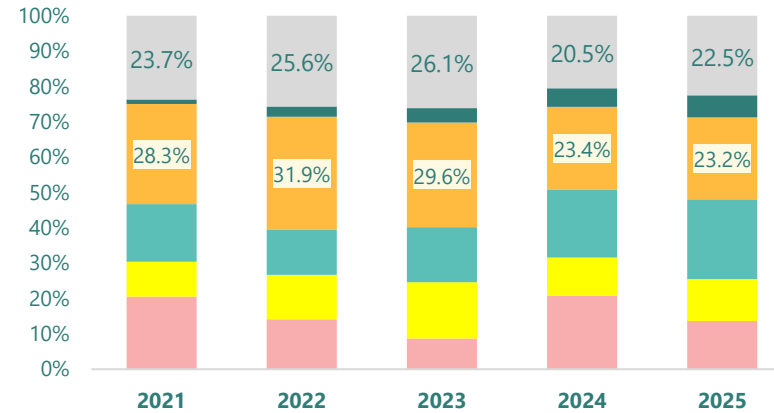
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

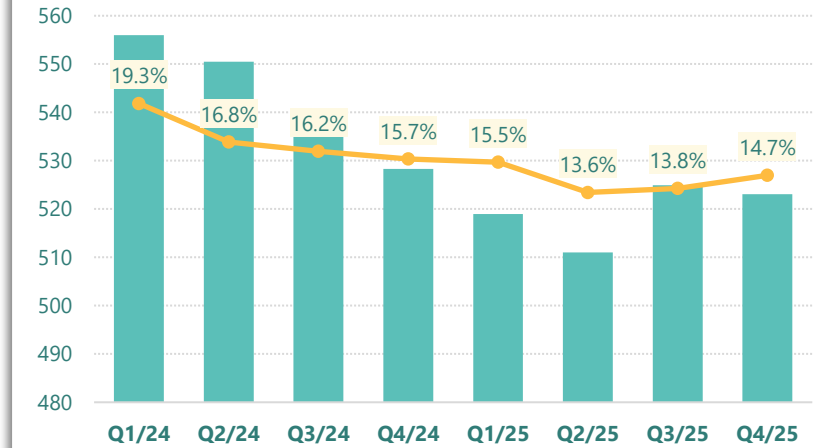


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

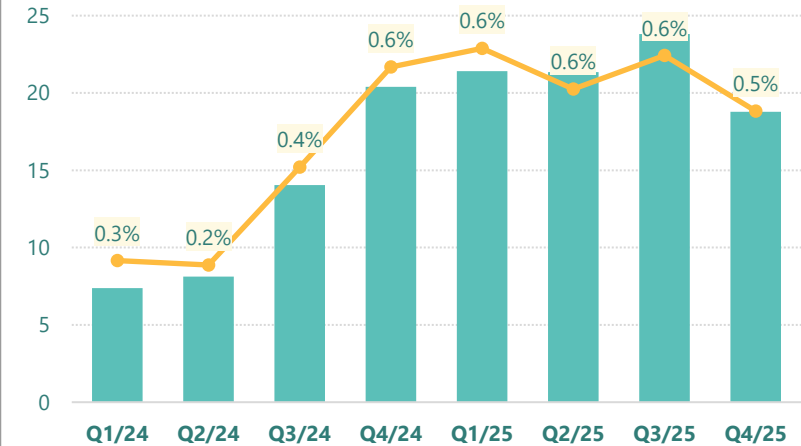


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

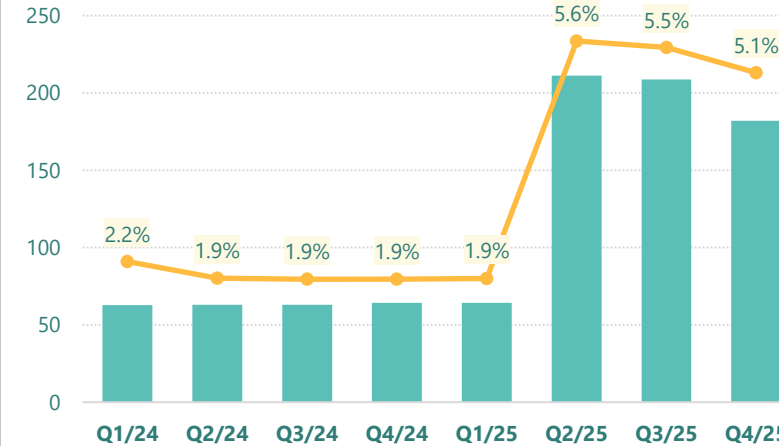


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

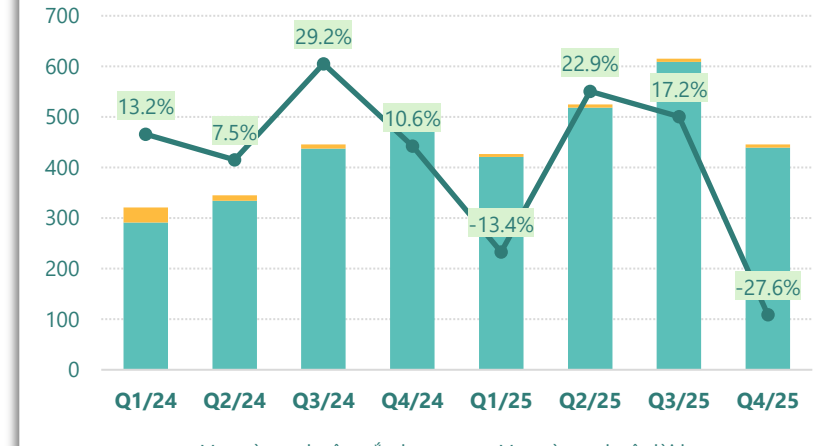


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

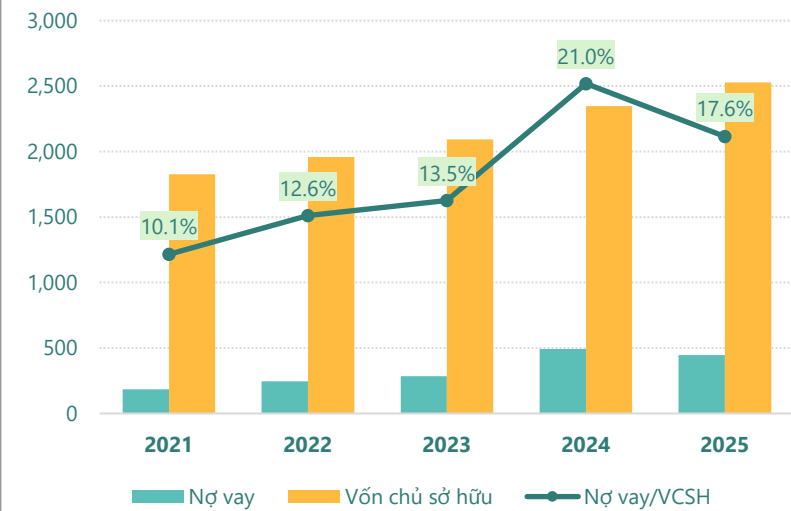
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

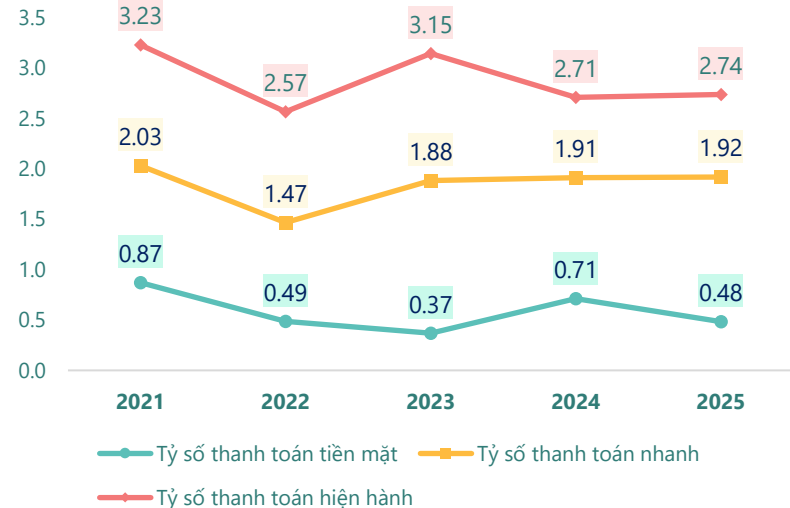
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



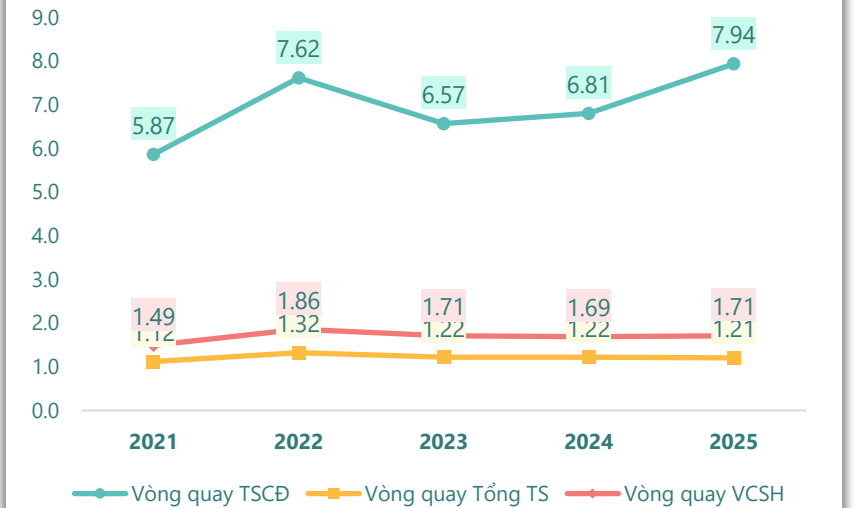
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



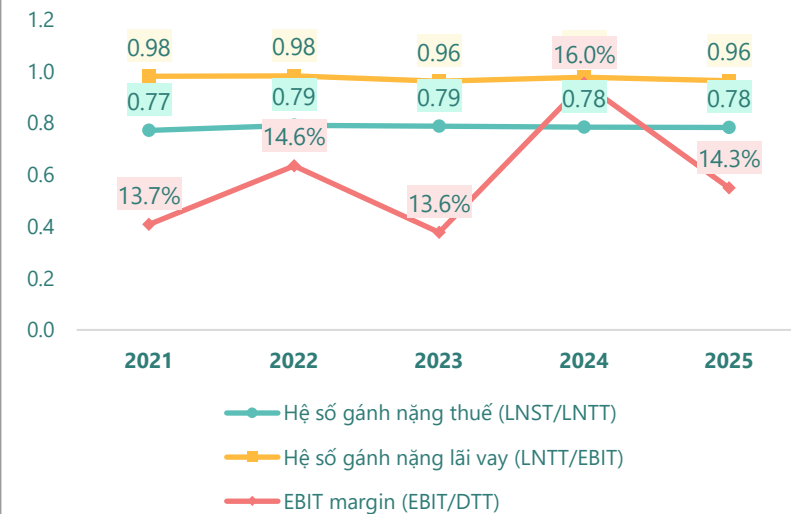
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



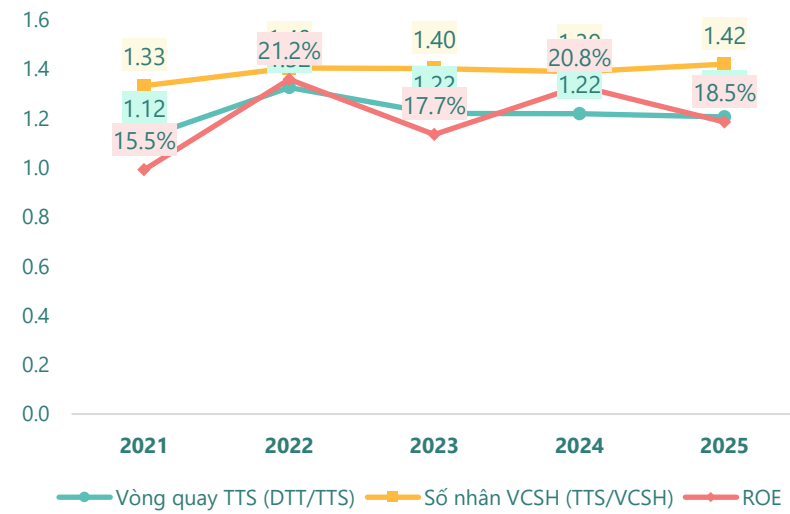
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



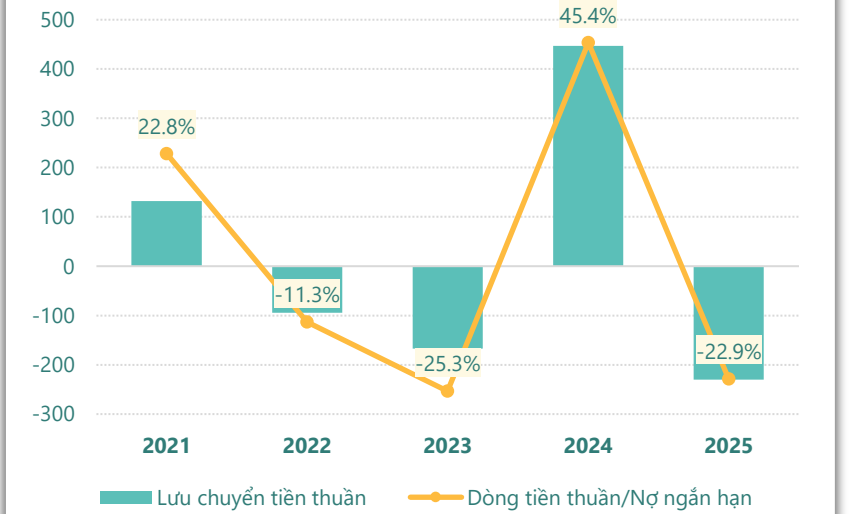
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	949	847	12.1%	4,174	3,759	11.1%
Giá vốn hàng bán	479	485	-1.2%	2,105	2,083	1.1%
Lợi nhuận gộp	470	361	30.2%	2,069	1,675	23.5%
Doanh thu HĐTC	14.8	22.3	-33.7%	56.1	58.3	-3.9%
Chi phí TC	8.16	7.21	13.2%	34.8	28.1	24.0%
Chi phí lãi vay	5.82	3.73	56.0%	21.9	13.5	61.9%
LN trong công ty LKLD	-1.75	1.20	-245%	2.20	1.20	83.1%
Chi phí bán hàng	334	216	54.7%	1,239	770	61.0%
Chi phí QLDN	87.6	106	-17.4%	330	357	-7.6%
LN thuần từ HĐKD	53.1	55.4	-4.1%	523	580	-9.8%
Lợi nhuận khác	43.8	-0.82	5442%	51.5	6.83	653%
LN trước thuế	97.0	54.5	77.9%	574	587	-2.1%
Lợi nhuận sau thuế	73.9	39.0	89.4%	450	460	-2.2%
LNST của CĐ cty mẹ	73.6	39.2	87.7%	451	462	-2.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	138	-1.89	-123	189	168	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-105	326	130	-410	-286	374
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.0	-31.8	-65.9	-31.8	103	-257
Tiền đầu kỳ	345	399	700	641	395	389
Lưu chuyển tiền thuần	55.0	292	-59.7	-253	-15.4	97.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.42	8.70	0.95	6.54	9.88	-0.06
Tiền cuối kỳ	399	700	641	395	389	487

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,562	3,360	6.0%
Tài sản ngắn hạn	2,761	2,671	3.4%
Tiền và tương đương tiền	487	700	-30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	424	361	17.4%
Phải thu ngắn hạn	801	649	23.5%
Hàng tồn kho	826	785	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	223	176	26.7%
Tài sản dài hạn	801	689	16.3%
Phải thu dài hạn	13.1	14.7	-11.2%
Tài sản cố định	523	528	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.8	20.4	-7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	182	64.2	183%
Tài sản dài hạn khác	64.0	61.2	4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	1,012	2.1%
Nợ ngắn hạn	1,008	986	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	487	-9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	270	260	3.9%
Nợ dài hạn	26.1	26.7	-2.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.20	6.20	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,528	2,347	7.7%
Vốn chủ sở hữu	2,528	2,347	7.7%
Vốn điều lệ	965	865	11.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

